TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 118/2021/QĐST - HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 394/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa Ông Trần Quang M, sinh năm 1979 .Địa chỉ: 166/7, tổ 7, ấp 3, xã H, huyện N, Thành phố H và Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1980. Địa chỉ: 166/7, tổ 7, ấp 3, xã H, huyện N, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 04 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 04 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Quang M và Bà Trần Thị Kim T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

✓ Về quan hệ vợ chồng : Ông Trần Quang M và Bà Trần Thị Kim T cùng thuận tình ly hôn .Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2013 do UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2013 không có giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

✓ Về con chung: Có 01 con chung trưởng thành là Trần Thị Kim Y sinh ngày 08/08/2002

✓ Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu tòa giải quyết.

✓ Nợ chung: Cả hai khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm là Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng.

Ông Trần Quang M tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số

AA/2019/0072909 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, hoàn trả lại cho Ông M số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM; (2)
- VKSND Huyện Nhà Bè; (2)
- Chi cục thi hành án huyện Nhà Bè; (1)
- UBND xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu hồ sơ vụ án. (3)

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Hồng